

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 257/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2024
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Ngô Thị Lâm.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
1. Ông Nguyễn Văn Hồng;
2. Ông Võ Thanh Nhân.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 474/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 477/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 393/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị D, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Cao M, sinh năm 1984; địa chỉ: địa chỉ: số nhà B, tổ A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị D trình bày, bà D và ông M do quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 12/01/2012. Trong thời gian chung

sống, vợ chồng có sinh được 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Thảo N, sinh ngày 07/01/2013. Hiện tại, cháu N đang được bà D chăm sóc, nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên xảy ra cãi vã nhau, không quan tâm lẫn nhau. Ông M và bà L không còn sống chung với nhau từ năm 2015 đến nay, không tới lui thăm nhau.

Nhận thấy tình cảm không còn nên bà L yêu cầu ly hôn với ông M; yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng Thảo N, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: Tờ tự khai của bà Trương Thị D; Giấy khai sinh số 49/2013, quyển số 01, ngày 30/01/2013 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp đối với Nguyễn Hoàng Thảo N (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn số 229/2012, quyển số 02, ngày 12/11/2012 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp cho ông Nguyễn Cao M và bà Trương Thị D (bản chính); Đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Nguyễn Cao M đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Trương Thị D có đơn yêu cầu được vắng mặt xét xử và không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị D đối với ông Nguyễn Cao M; bà D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Thảo N, sinh ngày 07/01/2013, ông M không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Trương Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Cao M, ông M cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Trương Thị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Trần Hoàng M1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D, ông M1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Trương Thị D khai, bà D và ông M1 do quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 12/01/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông M1 là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà D xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên xảy ra cãi vã nhau, không quan tâm lẫn nhau. Bà D và ông M1 không còn sống chung với nhau từ năm 2015 đến nay, không tới lui thăm nhau.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên xảy ra cãi vã nhau, không quan tâm lẫn nhau và không còn sống chung từ năm 2015 đến nay, không tới lui thăm nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông M1 nhưng ông M1 không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà D. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà D và ông M1 là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông M1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà D xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Thảo N, sinh ngày 07/01/2013. Bà D yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, cháu N hiện do bà D chăm sóc, nuôi dưỡng đang phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Bên cạnh đó, cháu N cũng có ý kiến sống cùng với bà D sau khi bà D và ông M1 ly hôn. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao N cho bà D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà D không yêu cầu ông M1 cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông M1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị D.

1. Về hôn nhân: Bà Trương Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Cao M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2012, quyển số 02, ngày 12/11/2012 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp đối với bà Trương Thị D và ông Nguyễn Cao M không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Trương Thị D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Thảo N, sinh ngày 07/01/2013, ông M không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Trương Thị D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Cao M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Trương Thị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015634 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 20 tháng 6 năm 2024; bà Trương Thị D đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Cao M không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết, bà Trương Thị D, ông Nguyễn Cao M có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Lắm

